



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

Cơ bản

јас

ти

тој

таа

тоа
тој/таа

ние

вие

тие

што

кој
личност

каде

зошто

како

кој
општ

кога

тогаш

ако

наистина

но

бидејќи

не

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

ова

тоа
ова

сите
општ

или

и

овде

таму

лево

десно

сега

попладне

претпладне

навечер

наутро

вечер

пладне

полноќ

час
време

минута

секунда

ден

tất cả

đó

này

đây

và

hoặc

phải

trái

đó

buổi sáng

buổi chiều

bây giờ

buổi tối

buổi sáng

ban đêm

giờ

nửa đêm

buổi trưa

ngày

giây

phút

недела
7

месец

година

вчера

денес

утре

понеделник

вторник

среда

четврток

петок

сабота

недела
ден

жена

маж

љубов

дечко

девојка

пријател

бакнеж

секс

năm

tháng

tuần

ngày mai

hôm nay

hôm qua

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

đàn ông

đàn bà

chủ nhật

bạn gái

bạn trai

tình yêu

tình dục

hôn

bạn

дете

девојче

момче

мама

тато

мајка

татко

родители

син

ќерка

помала сестра

помал брат

поголема сестра

поголем брат

сопруг

сопруга

секој

секогаш

всушност

повторно

веќе

con trai

con gái

trẻ em

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

chồng

anh trai

chị gái

luôn luôn

mỗi / mọi

vợ

đã

lần nữa

thực ra

помалку

повеќето

повеќе

никој

многу
општ

надвор

внатре

далеку

блиску

под

над

покрај

напред

назад

сите
личност

заедно

други

пролет

лето

есен

зима

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

ở ngoài

rất

không có

gần

xa

ở trong

bên cạnh

bên trên

bên dưới

mọi người

phía sau

phía trước

mùa xuân

khác

cùng nhau

mùa đông

mùa thu

mùa hè

јануари

февруари

март

април

мај

јуни

јули

август

септември

октомври

ноември

декември

север

исток

југ

запад

често

веднаш

одеднаш

иако

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

nam

đông

bắc

ngay lập tức

thường xuyên

tây

mặc dù

đột ngột

Số

нула

еден

два

три

четири

пет

шест

седум

осум

девет

десет

единаесет

дванаесет

тринаесет

четиринаесет

петнаесет

шеснаесет

седумнаесет

осумнаесет

деветнаесет

дваесет

2	1	0
5	4	3
8	7	6
11	10	9
14	13	12
17	16	15
20	19	18

дваесет и еден

дваесет и два

дваесет и шест

триесет

триесет и еден

триесет и три

триесет и седум

четириесет

четириесет и еден

четириесет и четири

четириесет и осум

педесет

педесет и еден

педесет и пет

педесет и девет

шеесет

шеесет и еден

шеесет и два

шеесет и шест

седумдесет

седумдесет и еден

26

22

21

33

31

30

41

40

37

50

48

44

59

55

51

62

61

60

71

70

66

седумдесет и три

седумдесет и седум

осумдесет

осумдесет и еден

осумдесет и четири

осумдесет и осум

деведесет

деведесет и еден

деведесет и пет

деведесет и девет

сто

сто и еден

сто и пет

сто и десет

сто педесет и еден

двесте

двесте и два

двесте и шест

двесте и дваесет

двесте шеесет и два

триста

80

77

73

88

84

81

95

91

90

101

100

99

151

110

105

206

202

200

300

262

220

триста и три

триста и седум

триста и триесет

триста седумдесет и три

четиристотини

четиристотини и четири

четиристотини и осум

четиристотини и четириесет

четиристотини осумдесет и
четири

петстотини

петстотини и пет

петстотини и девет

петстотини и педесет

петстотини деведесет и
пет

шестотини

шестотини и еден

шестотини и шест

шестотини и шеснаесет

шестотини и шеесет

седумстотини

седумстотини и два

330

307

303

404

400

373

484

440

408

509

505

500

600

595

550

616

606

601

702

700

660

седумстотини и седум

седумстотини дваесет и
седум

седумстотини и
седумдесет

осумстотини

осумстотини и три

осумстотини и осум

осумстотини триесет и
осум

осумстотини и осумдесет

деветстотини

деветстотини и четири

деветстотини и девет

деветстотини четириесет и
девет

деветстотини и деведесет

илјада

илјада и еден

илјада и дванаесет

илјада двесте триесет и
четири

две илјади

две илјади и два

две илјади дваесет и три

две илјади триста
четириесет и пет

770

727

707

808

803

800

900

880

838

949

909

904

1001

1000

990

2000

1234

1012

2345

2023

2002

три илјади

три илјади и три

четири илјади

четири илјади четириесет
и пет

пет илјади

пет илјади шестотини
седумдесет и осум

шест илјади

седум илјади

седум илјади осумстотини
и деведесет

осум илјади

осум илјади деветстотини
и еден

девет илјади

девет илјади и деведесет

десет илјади

десет илјади и еден

дваесет илјади и дваесет

триесет илјади и триста

четириесет и четири
илјади

сто илјади

петстотини илјади

милион

4000

3003

3000

5678

5000

4045

7890

7000

6000

9000

8901

8000

10.001

10.000

9090

44.000

30.300

20.020

1.000.000

500.000

100.000

шест милиони

десет милиони

седумдесет милиони

сто милиони

осумстотини милиони

милијарда

девет милијарди

десет милијарди

дваесет милијарди

сто милијарди

триста милијарди

билион

70.000.000

10.000.000

6.000.000

1.000.000.000

800.000.000

100.000.000

20.000.000.000

10.000.000.000

9.000.000.000

1.000.000.000.000

300.000.000.000

100.000.000.000

Động từ

да знае

да размислува

да дојде

да стави

да земе

да најде

да слуша

да работи

да зборува

да даде

да сака

да помогне

да љуби

да се јави

да чека

да стои

да седи

да затвори

да отвори
врата

да изгуби

да победи

đến

nghĩ

biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

chờ đợi

gọi

yêu

đóng

ngồi

đứng

thắng

thua

mở

да умре

да живее

да вклучи

да исклучи

да убие

да повреди

да допира

да гледа

да пие

да јаде

да оди

да сретне

да се клади

да бакнува

да следи

да се венча

да одговори

да праша

да повлече

да турне

да притисне

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cười

ấn

đẩy

kéo

да удри

да фати

да се бори

да фрла

да трча

да чита

да пишува

да поправи

да изброи

да пресече

да продаде

да купи

да плати

да учи

да сонува

да спие

да игра

да прослави

да ужива

да чисти

да пука

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

bắn

dọn dẹp

thưởng thức

да одбрани

да нападне

да краде

да гори

да спаси

да лета

да плука

да клоца

да каса

да дише

да мириса

да плаче

да пее

да се насмевнува

да се смее

да расте

да се смалува

да се расправа

да сподели

да храни

да се крие

trộm

tấn công

bảo vệ

bay

cứu

đốt

cẩn

đá

khắc nhỏ

khóc

ngủi

thở

cười

cười mỉm

hát

tranh luận

co lại

lớn lên

trốn

cho ăn

chia sẻ

да предупреди

да плива

да скока

да крене

да копа

да достави

да бара

да вежба

да патува

да слика

да отвори
брава

да заклучи

да мие

да се моли

да готви

да повраќа

да вика

да цитира

да печати

да пресмета

да заработи

nhảy

bơi

cảnh báo

giao hàng

đào

nâng

đi du lịch

luyện tập

tìm kiếm

khóa

mở

vẽ

nấu ăn

cầu nguyện

rửa

trích dẫn

la hét

nôn

kiếm tiền

tính toán

in

Tính từ

ново

старо

малку

многу
број

погрешно

точно

лош

добар

среќен

кратко

долго

мало

големо

убав

млад

стар

бела

црна

црвена

сина

зелена

ít

cũ

mới

chính xác

sai

nhiều

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

trẻ

xinh đẹp

lớn

màu đen

màu trắng

già

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

màu đỏ

жолта

бавен

брзо

смешно

нефер

фер

тешко
прашање

лесно
прашање

богат

сиромашен

силен

слаб

безбеден

уморен

горд

најаден

болен

здрав

лут

НИСКО
дијаграм

ВИСОКО
дијаграм

nhanh

chậm

màu vàng

công bằng

không công bằng

vui vẻ

giàu

dễ

khó

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

слатко
храна

кисело

меко

тврдо

слатко
личност

глупав

луд

зафатен

високо
тело

ниско
тело

загрижено

изненадено

воспитано

зол

паметен

ладно

жешко

портокалова

сива

кафеава

розова

mềm

chua

ngọt

ngu ngốc

đáng yêu

cứng

cao

bận rộn

điên khùng

ngạc nhiên

lo lắng

thấp

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

màu cam

nóng

lạnh

màu hồng

màu nâu

màu xám

здодевен

тешко
вага

лесно
вага

осамен

гладен

жеден

тажен

стрмно

рамно

тесно

широко

длабоко

плитко

огромно

валкано

чисто

полно

празно

скапо

евтино

секси

nhẹ

nặng

nhàm chán

khát nước

đói bụng

cô đơn

bằng phẳng

đốc

buồn

sâu

rộng

hẹp

bẩn

lớn

nông

trống rỗng

đầy

sạch sẽ

quyến rũ

rẻ

đắt

мрзлив

храбар

дарежлив

влажно

суво

гласно

тивко

сончево

дождливо

магливо

облачно

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ồn ào

khô

ướt

nhiều mưa

nắng

yên tĩnh

nhiều mây

sương mù

Thể thao

гимнастика

тенис

трчање

велосипедизам

гольф

фудбал

кошарка

пливање

нуркање

планинарење

маратон

триатлон

пинг понг

кревање тегови

бокс

бадминтон

уметничко лизгање

сноубординг

скијање

крос-кантри скијање

хокеј на мраз

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

bóng đá

đánh golf

đạp xe

lặn

bơi lội

bóng rổ

ba môn phối hợp

chạy marathon

đi bộ đường dài

quyền anh

cử tạ

bóng bàn

trượt ván tuyết

trượt băng nghệ thuật

cầu lông

khúc côn cầu trên băng

trượt tuyết băng đồng

trượt tuyết

одбојка

ракомет

одбојка на плажа

рагби

крикет

бејзбол

американски фудбал

ватерполо

скокови во вода

сурфање

едрење

веслање

јога

танцување

падобранство

шах

покер

куглање

балет

bóng chuyền bãi biển

bóng ném

bóng chuyền

bóng chày

bóng gậy

bóng rugby

nhảy cầu

bóng nước

bóng bầu dục Mỹ

chèo thuyền

đua thuyền buồm

lướt sóng

nhảy dù

khiêu vũ

yoga

bowling

đánh bài poker

cờ vua

múa ba lê

Động vật

свиња

крава

коњ

куче

овца

мајмун

мачка

мечка

кокошка

патка

пеперутка

пчела

риба
животно

пајак

змија

тигар

глушец

зајак

лав

магаре

слон

con ngựa

con bò

con lợn

con khỉ

con cừu

con chó

con gà

con gấu

con mèo

con ong

con bướm

con vịt

con rắn

con nhện

con cá

con thỏ

con chuột

con hổ

con voi

con lừa

con sư tử

гулаб

бубачка

комарец

мува

мравка

кит

ајкула

делфин

полжав

жаба

панда

поларна мечка

волк

коала

кенгур

жирафа

лисица

нилски коњ

лилјак

гавран

лебед

con muỗi

con bọ

con chim bồ câu

con cá voi

con kiến

con ruồi

con ốc sên

con cá heo

con cá mập

con gấu Bắc cực

con gấu trúc

con ếch

con chuột túi

con gấu túi

con chó sói

con hà mã

con cáo

con hươu cao cổ

con thiên nga

con quạ

con dơi

галеб

був

пингвин

папагал

гасеница

вилинско коњче

лигња

октопод

морско коњче

фока

медуза

краба

диносаурус

желка
општ

крокодил

con chim cánh cụt

con cú

con chim hải âu

con chuồn chuồn

con sâu bướm

con vẹt

con cá ngựa

con bạch tuộc

con mực ống

con cua

con sứa

con hải cẩu

con cá sấu

con rùa cạn

con khủng long

Quốc gia

Европа

Азија

Америка

Африка

Обединето Кралство

Шпанија

Швајцарија

Италија

Франција

Германија

Тајланд

Сингапур

Русија

Јапонија

Израел

Индија

Кина

Соединети Американски
Држави

Мексико

Канада

Чиле

Châu Mỹ

Châu Á

Châu Âu

Tây Ban Nha

Vương quốc Anh

Châu Phi

Pháp

Ý

Thụy sĩ

Singapore

Thái Lan

Đức

Israel

Nhật Bản

Nga

Hoa Kỳ

Trung Quốc

Ấn Độ

Chile

Canada

Mexico

Бразил

Аргентина

Јужна Африка

Нигерија

Мароко

Либија

Кенија

Алжир

Египет

Нов Зеланд

Австралија

Nam Phi

Argentina

Brazil

Libya

Ma Rốc

Nigeria

Ai Cập

Algeria

Kenya

Úc

New Zealand

Cơ thể

глава

нос

коса

уста

уво

око

рака
прст

стопало

срце

мозок

врат

задник

рамо

колено

нога

рака
лакт, рамо

стомак

града

греб

заб

јазик

tóc

mũi

đầu

mắt

tai

miệng

tim

bàn chân

bàn tay

mông

cổ

não

chân

đầu gối

vai

ngực

bụng

tay

lưỡi

răng

lưng

усна

прст

прст на нога

желудник

бели дробови

црн дроб

нерв

бубрег

црева

чело

брада
лице

образ

брада
коса

палец

мал прст

домал прст

среден прст

показалец

нокт на рака

петица

рбет

ngón chân

ngón tay

môi

gan

phổi

dạ dày

ruột

thận

dây thần kinh

má

cằm

trán

ngón tay út

ngón cái

râu

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

xương sống

gót chân

móng tay

мускул

коска
тело

скелет

ребро

пршлен

мочен меур

вена

артерија

вагина

сперма

пенис

тестис

bộ xương

xương

cơ bắp

bàng quang

đốt sống

xương sườn

âm đạo

động mạch

tĩnh mạch

tinh hoàn

dương vật

tinh trùng

Ngôi nhà

врата

кујна

купатило

дневна соба

спална соба

градина

гаража

сид

подрум

тоалет
куќа

скали

покрив

прозорец

нож

филџан

стаклена чаша

чинија

шолја

корпа за отпадоци

длабока чинија

биро

phòng tắm

nhà bếp

cửa

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

bàn

tô

thùng rác

кревет

огледало

туш

софа

слика

часовник

сид

маса

стол

сосед

лифт

балкон

поткровје

оџак

дрвена лажица

стапче за јадење

прибор за јадење

лажица

вилушка

рачка

тенџере

тава

vòi hoa sen

gương

giường

đồng hồ

ảnh

ghế sofa

hàng xóm

ghế

bàn

gác xếp

ban công

thang máy

đũa

muỗng gỗ

ống khói

nĩa

muỗng

bộ dao nĩa

chảo

nồi

cái vá

сијалица

полица за книги

завеса

душек

перница

кебе

полица

фиока

гардероба

кофа

метла

вага

корпа за алишта за перење

када

пешкир
големо

сапун

тоалетна хартија

пешкир
мало

мијалник

скала

поштенско сандаче

rèm

giá sách

bóng đèn

chăn

gối

nệm

tủ quần áo

ngăn kéo

kệ

cái cân

chổi

xô

khăn tắm

bồn tắm

giỏ đựng đồ giặt

khăn tắm

giấy vệ sinh

xà phòng

hộp thư

cái thang

bồn rửa mặt

ограда



hàng rào

Thức ăn

јајце

кашкавал

млеко

риба
храна

месо

коска
храна

масло

леб

шеќер

чоколадо

бонбони

торта

вода

кафе

чај

пиво

вино

салата

супа

десерт

доручек

sữa

phô mai

trứng

xương

thịt

cá

đường

bánh mì

dầu

bánh bông lan

kẹo

sô cô la

trà

cà phê

nước

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

ручек

вечера

пица

сладолед

путер

јогурт

туна

лосос

шунка

сланина

кобасица

мисиркино

пилешко

говедско

свинско

јагнешко

тиква

печурка

тартуфи

лук

праз

pizza

bữa tối

bữa trưa

sữa chua

bơ

kem

giăm bông

cá hồi

cá ngừ

thịt gà tây

xúc xích

thịt ba rọi

thịt heo

thịt bò

thịt gà

nấm

bí ngô

thịt cừu

tỏi tây

tỏi

nấm cục

ѓумбир

модар патлиџан

сладок компир

морков

краставица

чили

пиперка

кромид

компир

карфиол

зелка

брокула

марула

спанаќ

бамбус
храна

пченка

целер

грашок

грав

круша

јаболко

khoai lang

cà tím

gừng

ớt

dưa chuột

cà rốt

khoai tây

củ hành

ớt chuông

bông cải xanh

bắp cải

bông cải trắng

tre

rau chân vịt

xà lách

đậu Hà Lan

cần tây

ngô

quả táo

quả lê

hạt đậu

маслинка

смоква

урма

кокос

бадем

лешник

кикирики

банана

манго

киви

авокадо

ананас

лубеница

грозд

диња

малина

боровинка

јагода

цреша

слива

кајсија

quả chà là

quả sung

quả ô liu

hạt phỉ

quả hạnh nhân

quả dừa

quả xoài

quả chuối

đậu phộng

quả dưa

quả bơ

quả kiwi

dưa gang

quả nho

dưa hấu

quả dâu tây

quả việt quất

quả mâm xôi

quả mơ

quả mận

quả anh đào

праска

лимон

грејпфрут

портокал

домат

нане

лимонова трева

цимет

ванила

сол

бибер

кари

тутун

тофу

оцет

тестенина

млеко од соја

брашно

ориз

овес

пченица

quả bưởi

quả chanh

quả đào

bạc hà

cà chua

quả cam

vani

quế

sả

cà ri

tiêu

muối

giấm

đậu hũ

thuốc lá

bột mì

sữa đậu nành

mì sợi

lúa mì

yến mạch

gạo

соја

орев

мед

џем

гума за џвакање

палачинка

колаче

пудинг

мафин

крофна

енергетски пијалок

сок од портокал

сок од јаболко

милкшејк

кока кола

топло чоколадо

коктел

рум

ВИСКИ

ВОТКА

МЕНИ

mật ong

hạt

đậu nành

bánh kẹp

kẹo cao su

mút

bánh muffin

bánh pudding

bánh quy

nước cam

nước tăng lực

bánh rán vòng

coca cola

sữa lắc

nước táo

rượu rum

rượu cocktail

sô cô la nóng

thực đơn

rượu vodka

rượu whisky

морска храна

шпагети

суши

пуканки

чипс

пилешки крилца

помфрит

сенф

мајонез

кечап

сендвич

хот дог

бургер

sushi

mì Ý

hải sản

cánh gà

khoai tây lát mỏng

bắp rang bơ

sốt mayonnaise

mù tạt

khoai tây chiên

bánh mì kẹp xúc xích

bánh mì kẹp

nước sốt cà chua

bánh burger

Trường học

книга

библиотека

домашна работа

испит

час
училиште

наука

историја

ликовно

пенкало

молив

прв

втор

трет

четврти

истражување

диплома
универзитет

спортско игралиште

речник

полугодие

тетратка

геометрија

bài tập về nhà

thư viện

sách

khoa học

bài học

bài thi

cây bút

nghệ thuật

lịch sử

thứ hai

thứ nhất

bút chì

nghiên cứu

thứ tư

thứ ba

từ điển

sân thể thao

bằng cấp

hình học

sổ tay

học kì

политика

филозофија

економија

физичко воспитување

биологија

математика

географија

литература

хемија

физика

линијар

гума за бришење

ножици

селотејп

лепак

хемиско пенкало

спајалица

три проценти

сто проценти

нула проценти

кубен метар

kinh tế học

triết học

chính trị học

toán học

sinh học

giáo dục thể chất

hóa học

văn học

địa lý

cục tẩy

cái thước

vật lý

keo dán

băng dính

cái kéo

3%

kẹp giấy

bút bi

mét khối

0%

100%

квадратен метар

милја

метар

милиметар

сантиметар

дециметар

собирање

одземање

множење

делење

површина

волумен

правоаголник

квадрат

триаголник

круг

литар

милилитар

тон

килограм

грам

mét

dặm

mét vuông

đề-xi-mét

xen-ti-mét

mi-li-mét

phép nhân

phép trừ

phép cộng

thể tích

diện tích

phép chia

tam giác

hình vuông

hình chữ nhật

mililít

lít

hình tròn

gram

kilôgam

tấn

магнет

микроскоп

инка

лабораторија

предавање

cái phễu

kính hiển vi

nam châm

bài giảng

phòng thí nghiệm

Thiên nhiên

пепел

оган

дијамант

Месечина

сонце

свезда

планета

обала

езеро

шума

пустина

рид

камен

река

долина

планина

остров

океан

море

мраз

снег

kim cương

lửa

tro

ngôi sao

mặt trời

mặt trăng

hồ

bờ biển

hành tinh

đôi núi

sa mạc

rừng

thung lũng

con sông

đá

đại dương

đảo

núi

tuyết

băng

biển

бура

дожд

ветер

дрво

трева

роза

цвеће

метал

почва

лава

јаглен

песок

глина

ракета

сателит

галаксија

астероид

континент

екватор

Јужен Пол

Северен Пол

gió

mưa

bão táp

hoa hồng

cỏ

cây

đất

kim loại

hoa

cát

than

dung nham

vệ tinh

tên lửa

đất sét

lục địa

tiểu hành tinh

thiên hà

Bắc cực

Nam cực

đường Xích đạo

поток

дождовна шума

пештера

водопад

крајбрежје

глечер

земјотрес

кратер

вулкан

атмосфера

поплава

магла

виножито

гром

молња

грмотевица

температура

тајфун

ураган

облак

гранка

hang

rừng nhiệt đới

sưởi

sông băng

bờ biển

thác nước

núi lửa

miệng núi lửa

động đất

sương mù

lũ lụt

khí quyển

tia chớp

tiếng sấm

cầu vồng

bão nhiệt đới

nhiệt độ

cơn dông

cành cây

mây

bão

лист

корен

стебло
дрво

семе

пластика

јаглерод диоксид

атом

железо

кислород

злато

сребро

thân cây

rễ cây

lá cây

cacbon đioxit

nhựa

hạt giống

ôxy

sắt

nguyên tử

bạc

vàng

Giao thông

автомобил

автобус

воз

железничка станица

автобуска постојка

авион

брод

камион

велосипед

мотоцикл

такси

семафор

паркинг

пат

батерија

мотор

воздушно перниче

волан

појас

гума

заден багажник

xe lửa

xe buýt

xe hơi

máy bay

trạm dừng xe buýt

ga xe lửa

xe đạp

xe tải

tàu

đèn giao thông

xe taxi

xe mô tô

ắc quy

đường

bãi đậu xe

vô-lăng

túi khí

động cơ

cốp sau

lốp xe

dây an toàn

автомат за билети

билетара

метро

брз воз

локомотива

трамвај

училишен автобус

минибус

аеродром

авионска линија

хеликоптер

прва класа

економска класа

бизнис класа

елек за спасување

контејнер

подморница

крузер

товарен брод

јахта

траект

tàu điện ngầm

phòng bán vé

máy bán vé

xe điện

đầu máy

tàu cao tốc

sân bay

xe buýt nhỏ

xe buýt trường học

hạng nhất

máy bay trực thăng

hãng hàng không

áo phao

hạng thương gia

hạng phổ thông

tàu du lịch

tàu ngầm

công ten nơ

phà

du thuyền

tàu chở hàng

пристаниште

брод за спасување

радар

улично осветлување

тротоар

бензинска станица

градилиште

пешачки премин

сообраќаен метеж

автопат

тенк

багер

трактор

приколка

скутер

жичарница

ra đũa

xuống cứu sinh

hải cảng

trạm xăng

vĩa hè

đèn đường

tắc đường

vạch qua đường

công trường

máy xúc

xe tăng

đường cao tốc

xe tay ga

rơ-móc

máy kéo

xe cáp treo

Thành phố

болница

училиште

куќа

сметка

пазар

супермаркет

стан

универзитет

фарма

црква

ресторан

бар

теретана

парк

тоалет
парк

мапа

брза помош

полиција

пожарникари

земја

предградие

nhà ở

trường học

bệnh viện

siêu thị

chợ

hóa đơn

nông trại

trường đại học

căn hộ

quán bar

nhà hàng

nhà thờ

nhà vệ sinh

công viên

phòng thể dục

cảnh sát

xe cứu thương

bản đồ

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

село

гаранција

трговски центар

аптека

облакодер

замок

амбасада

синагога

храм

фабрика

џамија

градско собрание

пошта

фонтана

ноќен клуб

клупа

терен за голф

фудбалски стадион

базен
зграда

тениско игралиште

туристички информации

trung tâm mua sắm

bảo hành

ngôi làng

lâu đài

tòa nhà chọc trời

tiệm thuốc

ngôi đền

giáo đường Do Thái

đại sứ quán

tòa thị chính

nhà thờ Hồi giáo

nhà máy

câu lạc bộ đêm

đài phun nước

bưu điện

sân bóng đá

sân golf

băng ghế

thông tin du lịch

sân quần vợt

hồ bơi

казино

уметничка галерија

музеј

национален парк

сувенир

аквариум

тобоган

ролеркостер

аква парк

зоолошка

игралиште

итен излез
зграда

аларм за пожар

противпожарен апарат

полициска станица

држава

регион

главен град

bảo tàng

phòng triển lãm nghệ thuật

sòng bạc

thủy cung

quà lưu niệm

công viên quốc gia

công viên nước

tàu lượn siêu tốc

trượt nước

cửa thoát hiểm

sân chơi

vườn bách thú

đồn cảnh sát

bình cứu hỏa

chuông báo cháy

thủ đô

khu vực

tiểu bang

Bệnh viện

несреќа

пациент

операција

пилула

треска

кашлица

итна соба

одделение за интензивна
нега

чекална

аспирин

апчиња за спиење

рок на траење

доза

сируп против кашлица

несакан ефект

инсулин

прашок

капсула

витамин

лек против болки

антибиотик

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

ho

sốt

viên thuốc

phòng chờ

khoa hồi sức tích cực

phòng cấp cứu

ngày hết hạn

thuốc ngủ

thuốc aspirin

tác dụng phụ

si-rô ho

liều lượng

viên nhộng

bột

insulin

kháng sinh

thuốc giảm đau

vitamin

бактерија

вирус

срцев удар

дијареа

дијабетес

мозочен удар

астма

рак

грип

забоболка

изгореници од сонце

болно грло

стомачни болки

инфекција

алергија

грч

главоболка

шприц

патерица

рентген

машина за ултразвук

đau tim

vi rút

vi khuẩn

đột quy

tiểu đường

tiêu chảy

cúm

ung thư

hen suyễn

viêm họng

cháy nắng

đau răng

dị ứng

nhiễm trùng

đau bụng

ống tiêm

đau đầu

chuột rút

máy siêu âm

chụp X quang

nặng

ГИПС
мало

инвалидска количка

ГИПС
големо

пулс

повреда

итна служба

потрес на мозокот

изгореница

фрактура

пилула за контрацепција

тест за бременост

bó bột

xe lăn

bó bột

cấp cứu

chấn thương

mạch

gãy xương

vết bỏng

chấn động

thử thai

thuốc tránh thai

Nghề nghiệp

доктор

медицинска сестра

полицаец

претседател

капетан

детектив

пилот

професор

наставник

адвокат

секретарка

асистент

судија
суд

менаџер

готвач

таксист

возач на автобус

модел

уметник

премиер

фармацевт

cảnh sát

y tá

bác sĩ

thám tử

thuyền trưởng

tổng thống

giáo viên

giáo sư

phi công

trợ lý

thư ký

luật sư

đầu bếp

quản lý

thẩm phán

người mẫu

tài xế xe buýt

tài xế taxi

dược sĩ

thủ tướng

nghệ sĩ

пожарникар

заболекар

претприемач

политичар

програмер

стјуардеса

научник

воспитувачка во градинка

архитект

сметководител

консултант

обвинител

генерален менаџер

телохранител

земјопоседник

келнер

обезбедување

војник

рибар

чистач

водоводџија

doanh nhân

nha sĩ

lính cứu hỏa

tiếp viên hàng không

lập trình viên

chính trị gia

kiến trúc sư

giáo viên mầm non

nhà khoa học

công tố viên

tư vấn viên

kế toán viên

chủ nhà

vệ sĩ

tổng quản lý

bộ đội

nhân viên bảo vệ

bồi bàn

thợ sửa ống nước

nhân viên vệ sinh

ngư dân

електричар

фармер

рецепционер

поштар

касиер

фризер

автор

новинар

фотограф

спасувач

пејач

музичар

актер

репортер

тренер

судија
спорт

lễ tân

nông dân

thợ điện

thợ làm tóc

thu ngân

người đưa thư

nhiếp ảnh gia

nhà báo

tác giả

nhạc sĩ

ca sĩ

nhân viên cứu hộ

huấn luyện viên

phóng viên

diễn viên

trọng tài

Kinh doanh

пари

канцеларија

стрес

осигурување

персонал

оддел

плата

адреса

писмо

телефонски број

URL

е-маил адреса

веб страница

е-маил

потпис

загуба

профит

клиент

износ

кредитна картичка

лозинка

áp lực

văn phòng

tiền

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

địa chỉ email

url

số điện thoại

chữ ký

thư điện tử

trang mạng

khách hàng

lợi nhuận

thua lỗ

mật khẩu

thẻ tín dụng

số tiền

банкомат

данок

соба за состаноци

бизнис картичка

ИТ

човечки ресурси

правен оддел

сметководство

маркетинг

продажба

колега

работодавач

вработен

забелешка

презентација

папка
канцеларија

гумен печат

проектор

пакет

марка

плик

phòng họp

thuế

máy rút tiền

nhân sự

công nghệ thông tin

danh thiếp

tiếp thị

kế toán

bộ phận pháp lý

người sử dụng lao động

đồng nghiệp

bán hàng

thuyết trình

chú thích

nhân viên

máy chiếu

con dấu cao su

bìa cứng

phong bì

con tem

bưu kiện

прелистувач

инвестиција

берза

книжни пари

монета

камата

заем

број на сметка

банкарска сметка

sàn giao dịch chứng khoán

đầu tư

trình duyệt

tiền lãi

tiền xu

tiền giấy

tài khoản ngân hàng

số tài khoản

khoản vay

Thiết bị

телефон

ТВ сет

камера

радио

вентилатор

клима уред

машина за кафе

тостер

правосмукалка

фен

чајник

машина за перење садови

шпорет

перна

микробранова печка

фрижидер

машина за перење

далечински управувач

слушалка

гљувче

тастатура

máy ảnh

bộ tivi

điện thoại

máy điều hòa

quạt

đài radio

máy hút bụi

máy nướng bánh mì

máy pha cà phê

máy rửa chén

ấm đun nước

máy sấy tóc

lò vi sóng

lò nướng

bếp điện

điều khiển từ xa

máy giặt

tủ lạnh

bàn phím

chuột

tai nghe

хард диск

УСБ стик

скенер

принтер

экран
лаптоп

лаптоп

робот

звучник

máy quét

thanh USB

ổ cứng

máy tính xách tay

màn hình

máy in

loa

rô bốt